

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2223240146	Bùi Hoài An	25/01/2004	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
2	2223360523	Phạm Thị Thiên An	03/06/2007	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
3	2223240168	Võ Hoài Ân	19/07/2004	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt
4	2223360565	Phạm Mai Anh	10/10/2006	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		4.0		5.1	Đạt
5	2223360500	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	10/09/2007	02BK15A8.1	0.0	6.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
6	2223360558	Nguyễn Duy Bảo	13/11/2006	02BK15A8.1	8.0	0.0	2.7	TBKT			1.1	Học lại
7	2223360547	Bùi Thanh Bình	01/06/2007	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		4.0		5.1	Đạt
8	2223240201	Hà Thị Mỹ Chinh	03/01/2004	02BK15A8.1	0.0	7.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
9	2223360109	Nguyễn Hồ Linh Đan	12/03/2007	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		3.0		4.7	Đạt
10	2223360516	Huỳnh Hải Đăng	22/12/2006	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		3.5		4.8	Đạt
11	2223240204	Lâm Sơn Đạt	03/09/2003	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt
12	2223240225	Nguyễn Quốc Đạt	19/11/2004	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		5.5		6.0	Đạt
13	2223360543	Nguyễn Phước Đạt	20/05/2007	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		2.0		3.9	Thi lại
14	2223240191	Lại Gia Định	09/08/2004	02BK15A8.1	0.0	8.0	5.3				2.1	Thi lại
15	2223360540	Huỳnh Thị Phương Dung	28/05/2002	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt
16	2223360519	Nguyễn Quang Duy	10/09/2006	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
17	2223240257	Nguyễn Lệ Kỳ Duyên	20/05/1994	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
18	2223360126	Trần Hương	Giang	12/03/2007	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		7.5		7.2	Đạt
19	2223240242	Trần Xuân	Hàn	24/12/2003	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		2.5		4.2	Đạt
20	2223240196	Trần Thanh	Hậu	22/11/2003	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		4.5		5.4	Đạt
21	2223360541	Nguyễn Duy	Hiền	03/02/1999	02BK15A8.1	8.0	0.0	2.7	TBKT			1.1	Học lại
22	2223240245	Lê Văn	Hoàn	27/07/1998	02BK15A8.1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
23	2223240203	Lê Đức	Huy	22/02/2004	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
24	2223360567	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	07/01/2006	02BK15A8.2	0.0	6.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
25	2223240202	Nguyễn Đăng	Khoa	14/08/2004	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		4.5		5.4	Đạt
26	2223240215	Dương Ngọc	Khương	05/06/2004	02BK15A8.1	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
27	2223360495	Đỗ Khánh	Linh	09/08/2006	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		4.0		5.3	Đạt
28	2223360503	Mai Bảo Ngọc	Linh	21/08/2004	02BK15A8.1	7.0	0.0	2.3	TBKT			0.9	Học lại
29	2223240226	Lê Thị Khánh	Linh	08/10/2004	02BK15A8.1	0.0	7.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
30	2223360506	Lý Hữu	Lợi	02/07/2005	02BK15A8.1	0.0	6.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
31	2223360532	Lý Hồng	Lụa	05/06/2007	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		3.0		4.7	Đạt
32	2223360530	Nguyễn Thị Sao	Mai	17/06/1987	02BK15A8.2	8.0	9.0	8.7		9.5		9.2	Đạt
33	2223360556	Nguyễn Minh	Mẫn	26/10/2004	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		2.0		4.1	Đạt
34	2223360569	Phạm Nhật	Minh	01/07/2006	02BK15A8.2	0.0	6.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
35	2223240262	Đinh Quang	Minh	23/06/2004	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
36	2223360568	Phạm Thành	Nam	9/16/2004	02BK15A8.2	0.0	7.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
37	2223240200	Dương Hồ Nhật	Nam	31/07/2004	02BK15A8.1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
38	2223360552	Phạm Thị Hoài	Nam	05/02/2005	02BK15A8.1	0.0	6.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
39	2223360553	Nguyễn Đức	Nam	29/06/2005	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		4.5		5.4	Đạt
40	2223240208	Lê Hoàng Thanh	Ngân	11/11/2004	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
41	2223360515	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Ngân	14/05/2006	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
42	2223360555	Phạm Thị Thu	Ngân	09/05/2000	02BK15A8.1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
43	2223360529	Phạm Trung	Nghĩa	26/09/2007	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
44	2223240248	Võ Kim	Ngọc	01/06/2004	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
45	2223240195	Đào Tấn	Nhật	27/04/2004	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt
46	2223240235	Trịnh Thị Yến	Nhi	30/12/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
47	2223360502	Trần Linh	Như	31/05/2006	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
48	2223360533	Lý Hồng	Nhung	04/10/2005	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
49	2223240207	Võ Phan Kiều	Oanh	19/11/2004	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
50	2223240211	Phan Hồng	Phấn	19/10/2004	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
51	2223360501	Nguyễn Thị Yến	Phi	19/12/2007	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
52	2213360004	Nguyễn Vũ Hoàng	Phong	09/02/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		3.0		4.5	Đạt
53	2223360494	Lê Văn	Phúc	21/02/2007	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt
54	2223240222	Lê Thị Kim	Phụng	15/08/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
55	2223360534	Nguyễn Hoàng Tiểu	Phuong	27/06/2006	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
56	2223360475	Nguyễn Phùng Mỹ	Phuong	05/09/2007	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		4.0		5.1	Đạt
57	2223360542	Huỳnh Ngọc Minh	Quân	13/08/2005	02BK15A8.2	0.0	9.0	6.0				2.4	Thi lại
58	2223360563	Trịnh Kiều Tố	Quyên	21/02/2003	02BK15A8.1	0.0	7.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
59	2223240176	Thống Quý	Quyền	25/10/2004	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
60	2223360561	Siu H'	Sami	07/07/2006	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
61	2223360512	Phạm Thanh	Sang	25/12/2006	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
62	2223240218	Nguyễn Đình	Son	01/06/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		3.5		4.8	Đạt
63	2223240253	Nguyễn Đăng	Sỹ	23/08/2004	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
64	2223240217	Thái Thị Phương	Tâm	23/04/2004	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
65	2223240210	Trịnh Minh	Tân	11/07/2001	02BK15A8.2	8.0	0.0	2.7	TBKT			1.1	Học lại
66	2223240232	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	12/01/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		7.5		7.2	Đạt
67	2223360518	Nguyễn Quốc	Thắng	01/12/2007	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
68	2223360520	Trần Phương	Thanh	05/05/2007	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
69	2223240252	Đặng Tấn	Thành	22/11/2004	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
70	2223360550	Đàng Thị Kim	Thế	03/09/2002	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
71	2223240209	Lê Thị Kim	Thi	24/08/1996	02BK15A8.2	8.0	0.0	2.7	TBKT			1.1	Học lại
72	2223360514	Lê Minh	Thiện	18/10/2002	02BK15A8.2	0.0	8.0	5.3		9.0		7.5	Đạt
73	2223360531	Nguyễn Huỳnh Minh	Thiện	17/03/2006	02BK15A8.2	0.0	6.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
74	2223360524	Trần Minh	Thu	21/08/2004	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
75	2223240216	Võ Thị Hoài	Thương	23/02/2004	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
76	2223240174	Trương Kim	Thùy	08/04/2004	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
77	2223240220	Nguyễn Thị Phương	Thùy	25/11/2004	02BK15A8.2	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
78	2223240259	Phạm Lê Duy	Toàn	25/09/2004	02BK15A8.2	0.0	7.0	4.7	TBKT			1.9	Học lại
79	2223240231	Phan Ngọc	Trâm	09/01/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		7.5		7.2	Đạt
80	2223240246	Bùi Ngọc	Trâm	17/10/2001	02BK15A8.2	0.0	8.0	5.3				2.1	Thi lại
81	2223240181	Trương Huyền Nhã	Trân	14/05/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		8.5		7.8	Đạt
82	2223360165	Võ Mai	Trang	25/09/2007	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		8.5		7.8	Đạt
83	2223240214	Trương Hồ Minh	Trí	10/06/2003	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		10.0		8.7	Đạt
84	2223360551	Nguyễn Minh	Trí	10/11/2007	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		3.5		5.0	Đạt
85	2223240182	Nguyễn Hoàng Thanh	Trọng	12/10/2004	02BK15A8.2	7.0	9.0	8.3		9.0		8.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: PHÁP LUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
86	2223240212	Nguyễn Quốc Trung	01/01/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
87	2223360522	Bùi Quang Trường	27/02/2003	02BK15A8.2	7.0	6.0	6.3		5.5		5.8	Đạt
88	2223360538	Đinh Thị Cẩm Tú	03/06/2006	02BK15A8.2	0.0	8.0	5.3				2.1	Thi lại
89	2223240230	Trần Thị Ngọc Tuyền	18/01/2004	02BK15A8.2	8.0	6.0	6.7		8.5		7.8	Đạt
90	2223360557	Nguyễn Thế Vinh	26/01/2005	02BK15A8.1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
91	2223360537	Kim Ngọc Vy	01/09/2005	02BK15A8.2	8.0	7.0	7.3		9.5		8.6	Đạt
92	2223360489	Phạm Thảo Vy	27/04/2007	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7				2.7	Thi lại
93	2223360562	Nguyễn Thảo Vy	27/04/2007	02BK15A8.1	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt